

VĨNH LONG VỚI KHÁT VỌNG TRỞ THÀNH TRUNG TÂM NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO BỀN VỮNG CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS. Nguyễn Thị Mai Trâm

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và cam kết trung hòa carbon vào năm 2050 của Việt Nam, phát triển năng lượng tái tạo bền vững trở thành một yêu cầu tất yếu. Với lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng gió, mặt trời và sinh khối, tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất đang dần khẳng định vị thế là một địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển năng lượng tái tạo, đóng vai trò trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (2025-2030) đã xác định mục tiêu phát triển GRDP bình quân 10%/năm, GRDP bình quân đầu người đạt trên 169 triệu đồng vào năm 2030, quy mô GRDP khoảng 589.730 tỷ đồng và thu ngân sách tăng bình quân 7%/năm. Đồng thời, tỉnh đặt ra 31 chỉ tiêu, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược, trong đó năng lượng tái tạo là lĩnh vực đột phá, góp phần thực hiện khát vọng phát triển xanh. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, thực trạng, tiềm năng và thách thức trong phát triển năng lượng tái tạo tại Vĩnh Long; đồng thời đề xuất các hàm ý chính sách nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành trung tâm năng lượng tái tạo bền vững của vùng.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới đã chuyển từ phát triển dựa vào nhiên liệu hóa thạch sang chú trọng năng lượng tái tạo và kinh tế xanh. Các cam kết toàn cầu như Thỏa thuận Paris 2015, mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc và xu hướng Net Zero tạo ra cả áp lực lẫn động lực để Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi năng lượng (World Bank, 2021; IEA, 2023). Ở trong nước, Nghị quyết 70-NQ/TW (2025) và Quy hoạch điện VIII (2023) đều coi điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối và hydro xanh là trụ cột trong cơ cấu năng lượng đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

Đặc biệt, Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I (2025–2030) đã xác định rõ: phân đầu GRDP tăng trưởng bình quân 10%/năm, GRDP/người trên 169 triệu đồng vào năm 2030, quy mô GRDP đạt khoảng 589.730 tỷ đồng, thu ngân sách tăng bình quân 7%/năm. Tỉnh hướng tới trở thành trung tâm kinh tế biển và trung tâm năng lượng tái tạo bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long, với 31 chỉ tiêu, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược (hạ tầng – logistics, khoa học công nghệ – đổi mới sáng tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao).

Trong bối cảnh đó, phát triển năng lượng tái tạo tại Vĩnh Long không chỉ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, thích ứng biến đổi khí hậu, mà còn trực tiếp góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược về tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về năng lượng tái tạo và phát triển bền vững

Khái niệm năng lượng tái tạo (renewable energy) được hiểu là năng lượng được tạo ra từ các nguồn tự nhiên có khả năng tái tạo liên tục, không bị cạn kiệt trong quá trình sử dụng, như năng lượng mặt trời, gió, sinh khối, địa nhiệt, thủy triều (REN21, 2022). So với năng lượng hóa thạch, năng lượng tái tạo có ưu điểm lớn về khả năng giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện các mục tiêu chống biến đổi khí hậu.

Theo lý thuyết phát triển bền vững (Brundtland Report, 1987), phát triển năng lượng tái tạo gắn liền với ba trụ cột: (i) kinh tế – bảo đảm tăng trưởng dài hạn, nâng cao năng lực cạnh tranh; (ii) xã hội – tạo việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống, bảo đảm công bằng xã hội; và (iii) môi trường – bảo vệ hệ sinh thái, giảm phát thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Đặc biệt, lý thuyết chuyển đổi năng lượng (energy transition theory) nhấn mạnh vai trò của thể chế, chính sách và đổi mới công nghệ trong việc thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng năng lượng xanh (Geels, 2014).

Ở Việt Nam, phát triển năng lượng tái tạo gắn chặt với chủ trương của Đảng về chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và mục tiêu trung hòa carbon vào năm

2050. Nghị quyết số 70-NQ/TW (2025) về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đã khẳng định năng lượng tái tạo phải trở thành trụ cột, đồng thời khuyến khích huy động mọi nguồn lực xã hội, đặc biệt là khu vực tư nhân, để đầu tư vào năng lượng gió, mặt trời, sinh khối.

2.2. Tổng quan nghiên cứu quốc tế

Trên thế giới, nhiều công trình đã chỉ ra mối quan hệ giữa phát triển năng lượng tái tạo và tăng trưởng kinh tế xanh. IEA (2023) nhấn mạnh rằng năng lượng tái tạo sẽ chiếm 60-65% sản lượng điện toàn cầu vào năm 2030, trong đó điện gió và điện mặt trời là hai lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất. Các nghiên cứu của Sovacool (2016) và Jacobson (2018) đều chứng minh rằng đầu tư vào năng lượng tái tạo không chỉ giúp giảm phát thải mà còn tạo hàng triệu việc làm mới, thúc đẩy đổi mới công nghệ và củng cố an ninh năng lượng quốc gia.

Ngoài ra, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của cấp địa phương trong triển khai chính sách năng lượng tái tạo. Ví dụ, tại Đức, chương trình Energiewende đã trao quyền cho các bang, huyện và thành phố phát triển mô hình năng lượng tái tạo cộng đồng; ở Đan Mạch, chính quyền địa phương trở thành hạt nhân trong phát triển điện gió ngoài khơi. Kinh nghiệm này cho thấy, địa phương không chỉ là nơi thực thi mà còn có thể là trung tâm năng lượng trong một khu vực hoặc quốc gia.

2.3. Tổng quan nghiên cứu ở Việt Nam và vùng ĐBSCL

Ở Việt Nam, nghiên cứu về năng lượng tái tạo tập trung nhiều vào tiềm năng và chính sách. Nguyễn Hồng Quân (2020) phân tích rằng Việt Nam có lợi thế lớn về điện gió và điện mặt trời, nhưng thách thức nằm ở cơ chế giá FIT, hạ tầng truyền tải và vốn đầu tư. World Bank (2021) đánh giá khu vực ĐBSCL là một trong ba vùng có tiềm năng điện gió và điện mặt trời lớn nhất Đông Nam Á, đồng thời có khả năng kết hợp phát triển năng lượng với nông nghiệp sinh thái.

Một số nghiên cứu gần đây (Nguyễn Văn Ngãi, 2022; Trần Thị Minh, 2023) nhấn mạnh rằng năng lượng tái tạo tại ĐBSCL không chỉ góp phần vào an ninh năng lượng quốc gia mà còn là giải pháp sinh kế bền vững cho người dân nông thôn thông qua các mô hình điện mặt trời áp mái, điện sinh khối từ rơm rạ

và phụ phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, các tác giả cũng lưu ý rằng thách thức lớn nhất là thiếu cơ chế đặc thù cho vùng, thiếu nhân lực chất lượng cao và nguy cơ xung đột sử dụng đất giữa sản xuất nông nghiệp và năng lượng.

2.4. Khoảng trống nghiên cứu và đóng góp của bài viết

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về năng lượng tái tạo ở Việt Nam và ĐBSCL, song các công trình tập trung riêng vào Vĩnh Long còn hạn chế. Hầu hết các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở cấp vùng hoặc quốc gia, ít khi đi sâu vào một địa phương cụ thể. Trong khi đó, Vĩnh Long sau hợp nhất lại sở hữu vị trí trung tâm vùng, tiềm năng điện gió ven biển, năng lượng mặt trời và sinh khối dồi dào, cùng định hướng rõ ràng từ Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh I (2025-2030).

Do đó, bài viết này có đóng góp mới ở chỗ: (i) phân tích Vĩnh Long như một trường hợp điển hình trong chiến lược phát triển năng lượng tái tạo ở ĐBSCL; (ii) cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn cho mục tiêu xây dựng Vĩnh Long thành trung tâm năng lượng tái tạo bền vững của vùng; và (iii) đề xuất các giải pháp chính sách cụ thể, có thể tham khảo để vận dụng ở các tỉnh khác trong cả nước.

3. Thực trạng phát triển năng lượng tái tạo ở Vĩnh Long

3.1. Tiềm năng

Tỉnh Vĩnh Long có diện tích tự nhiên khoảng 6.300 km², dân số hơn 4,2 triệu người và nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long. Với đường bờ biển dài khoảng 130 km, tỉnh sở hữu lợi thế nổi bật để phát triển điện gió ven bờ và ngoài khơi, với khả năng khai thác hàng nghìn MW công suất, được đánh giá là một trong những tiềm năng hàng đầu của khu vực. Bên cạnh đó, khu vực nội địa có cường độ bức xạ mặt trời trung bình 4,2-4,6 kWh/m²/ngày, số giờ nắng trên 2.000 giờ/năm, rất thuận lợi cho phát triển điện mặt trời áp mái và điện mặt trời quy mô trang trại. Đặc trưng nông nghiệp của tỉnh với sản lượng lúa gạo đạt trên 4 triệu tấn/năm cùng nguồn phụ phẩm dồi dào (rơm rạ, trấu, bã mía, phụ phẩm dừa, thủy sản) cũng mở ra triển vọng lớn cho phát triển điện sinh khối và nhiên liệu sinh học với quy mô hàng trăm MW.

Những lợi thế này đã được lượng hóa trong Báo cáo Chính trị Đại hội I Đảng bộ tỉnh, với mục tiêu quy hoạch bổ sung 2.900 MW điện gió và 150 MW điện mặt trời đến năm 2030, đồng thời Viện Năng lượng đã khảo sát và xác định tiềm năng khoảng 1.000 MW điện gió ngoài khơi có tính khả thi cao. Như vậy, Vĩnh Long có đủ nền tảng để phát triển các cụm, chuỗi dự án năng lượng tái tạo mang tính liên vùng, thay vì chỉ dừng ở quy mô nhỏ lẻ.

Từ góc độ phân bố không gian, có thể xác định ba “hành lang” phát triển chính: (i) hành lang gió – biển dọc ven bờ, tập trung cho các dự án điện gió ven bờ/ngoài khơi và cơ sở hậu cần – cảng biển; (ii) hành lang mặt trời – công nghiệp, phát triển dọc các khu công nghiệp, mái nhà xưởng và công trình công cộng; (iii) cụm sinh khối – nông nghiệp, gắn với vùng chuyên canh lúa, dừa, mía và thủy sản nhằm phát triển điện phân tán và cung cấp nhiệt quá trình cho công nghiệp chế biến. Cách tiếp cận này giúp tối ưu hóa hạ tầng lưới điện, logistics, quỹ đất, đồng thời giảm chi phí giao dịch và gia tăng sức hấp dẫn với nhà đầu tư.

Có thể khẳng định, nhờ hội tụ lợi thế về không gian ven biển, nguồn bức xạ mặt trời ổn định và phụ phẩm nông nghiệp dồi dào, Vĩnh Long có đầy đủ điều kiện để vươn lên trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, để hiện thực hóa khát vọng này, cần phân tích thực trạng phát triển năng lượng tái tạo, chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và thách thức đặt ra trong giai đoạn tới.

3.2. Thực trạng

3.2.1. Quy mô và cơ cấu nguồn hiện hữu

Tính đến năm 2025, Vĩnh Long đã vận hành thương mại tổng công suất 5.416 MW, trong đó 918 MW thuộc nhóm năng lượng tái tạo, tạo ra sản lượng gần 30 tỷ kWh/năm với giá trị ước tính khoảng 24.300 tỷ đồng. Đây là nền tảng công suất đáng kể, phản ánh hệ sinh thái ban đầu của dự án, lưới, tiêu thụ điện sạch đã được hình thành. Đồng thời, nó mở ra dư địa phát triển mạnh mẽ hơn theo quy hoạch, đặc biệt dọc tuyến bờ biển dài 130 km đã được bố trí tiềm năng 2.900 MW điện gió và 150 MW điện mặt trời đến năm 2030. Tuy vậy, so với

quy mô quy hoạch, tỷ trọng năng lượng tái tạo hiện hữu vẫn còn khiêm tốn, đòi hỏi một giai đoạn “bùng nổ đầu tư” mang tính hệ thống trong giai đoạn 2025-2030 nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

3.2.2. Điện gió - nền tảng tăng trưởng nhưng phân bố chưa đều.

Đến năm 2025, toàn tỉnh Vĩnh Long đã đưa vào vận hành 14 dự án điện gió với tổng công suất thương mại khoảng 573 MW, đồng thời có 17 dự án khác đang trong quá trình triển khai với quy mô trên 700 MW. Kết quả này cho thấy điện gió đang trở thành nền tảng quan trọng cho tăng trưởng năng lượng tái tạo của tỉnh. Tuy nhiên, các dự án hiện chủ yếu tập trung ở khu vực ven biển, trong khi khu vực nội đồng vẫn chưa có nhà máy điện gió nào vận hành. Sự phân bố này phản ánh logic phát triển không gian: gió ven bờ/ngoài khơi gắn với hệ thống hậu cần cảng biển, trong khi nội địa giữ vai trò tiêu thụ và kết nối lưới điện. Đây là đặc điểm vừa mang tính thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu điều chỉnh chính sách để khai thác hiệu quả hơn tiềm năng điện gió trong toàn tỉnh.

3.2.3. Điện mặt trời - có hiện diện nhưng quy mô còn nhỏ.

Đến năm 2025, toàn tỉnh Vĩnh Long đã đưa vào vận hành một nhà máy điện mặt trời công suất 140 MW cùng với khoảng 1.149 hệ thống điện mặt trời áp mái, tổng công suất 35,5 MW, chủ yếu lắp đặt tại hộ gia đình, cơ quan và doanh nghiệp nhỏ lẻ. Đây là bước khởi đầu quan trọng, góp phần khẳng định tính đúng đắn của định hướng phát triển điện mặt trời, song vẫn còn khá khiêm tốn so với tiềm năng tự nhiên và nhu cầu thực tế. Ở tầm quy hoạch, tỉnh dự kiến bổ sung thêm 150 MW điện mặt trời đến năm 2030, với trọng tâm là mô hình áp mái trong khu công nghiệp, khu dân cư và các giải pháp tích hợp nông nghiệp - năng lượng (agrivoltaics). Điều này cho thấy dư địa phát triển điện mặt trời tại Vĩnh Long còn rất lớn, nhưng cần định hướng chính sách và cơ chế hỗ trợ phù hợp để khai thác hiệu quả trong giai đoạn tới.

3.2.4. Lưới truyền tải và khả năng giải tỏa công suất - “nhịp trống” cần lấp.

Để hấp thụ hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, Vĩnh Long đã tập trung đầu tư hệ thống lưới truyền tải, đặc biệt tại các khu vực ven biển nơi tập trung

nhiều dự án điện gió. Đến năm 2025, toàn tỉnh đã hoàn thành 21 công trình lưới điện 110 kV, đưa vào vận hành 03 trạm biến áp 220 kV, với tổng chiều dài đường dây 110 kV trên 365 km và gần 1.200 km đường dây các cấp được cải tạo, mở rộng. Hệ thống này đã góp phần nâng tỷ lệ hộ dân có điện lưới quốc gia đạt 99,5–99,6%, đảm bảo đáp ứng gần như toàn bộ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

Mặc dù đã tạo dựng nền tảng quan trọng để giải tỏa công suất cho các dự án gió, mặt trời quy mô lớn, nhưng so với tốc độ phát triển nguồn mới, hạ tầng lưới vẫn tiềm ẩn nguy cơ nghẽn mạch. Vì vậy, giai đoạn 2025–2030 cần tiếp tục đầu tư đồng bộ theo cụm nguồn, nâng cấp và mở rộng lưới truyền tải 220–500 kV, nhằm bảo đảm vận hành an toàn, ổn định và khai thác tối đa hiệu quả từ các dự án năng lượng tái tạo.

3.2.5. Logistics - công nghiệp hỗ trợ: lợi thế cần đi trước một bước

Hạ tầng logistics và công nghiệp hỗ trợ đang trở thành yếu tố then chốt trong phát triển năng lượng tái tạo của Vĩnh Long. Khu kinh tế Định An hiện đã thu hút 50 doanh nghiệp với 56 dự án, tổng vốn đăng ký trên 48.000 tỷ đồng, đóng vai trò như một “neo” hạ tầng - công nghiệp quan trọng. Đây là cơ sở để hình thành chuỗi giá trị năng lượng tái tạo khép kín: từ vận chuyển thiết bị siêu trường siêu trọng, lắp ráp, dịch vụ vận hành và bảo trì (O&M) cho tới xuất khẩu điện sạch và chứng chỉ năng lượng tái tạo (RECs).

Bên cạnh đó, hệ thống cảng biển và cảng sông của tỉnh tạo điều kiện giảm chi phí logistics, hỗ trợ giải tỏa công suất và vận chuyển thiết bị cho các dự án điện gió ven bờ và ngoài khơi. Điều này cho thấy việc phát triển đồng bộ hạ tầng logistics gắn với công nghiệp hỗ trợ không chỉ là một yêu cầu cấp thiết mà còn là lợi thế cạnh tranh để Vĩnh Long vươn lên trở thành trung tâm năng lượng tái tạo bền vững của khu vực.

3.2.6. “Khoảng trống” dữ liệu và những ràng buộc hiện hữu – nơi cần tập trung giải pháp

Thực trạng phát triển năng lượng tái tạo của Vĩnh Long cho thấy dù đã hình thành nền tảng ban đầu về nguồn điện, lưới truyền tải và dịch vụ hậu cần, vẫn

tồn tại nhiều hạn chế cần sớm khắc phục để bước vào giai đoạn tăng tốc 2025–2030. Các khoảng trống chủ yếu gồm:

(i) **Điện khí/LNG**: Hiện chưa có dự án LNG nào được vận hành, trong khi đây là nguồn điện nền linh hoạt quan trọng để hỗ trợ cân bằng hệ thống khi tỷ trọng năng lượng tái tạo tăng cao.

(ii) **Sinh khối**: Mới dừng ở định hướng chung, thiếu số liệu thống kê cụ thể về công suất đã hòa lưới. Cần tiến hành khảo sát bổ sung theo từng cụm nguyên liệu (lúa, dừa, mía, thủy sản) để đánh giá khả thi và quy mô đầu tư.

(iii) **Điện mặt trời áp mái**: Dù tỉnh đã có 35,5 MW, tỷ trọng vẫn còn nhỏ. Dự địa phát triển lớn, đặc biệt nếu sớm áp dụng cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) và ban hành giá mua điện ổn định trong các khu công nghiệp.

(iv) **Quản trị không gian – môi trường**: Thiếu các công cụ đánh giá môi trường chiến lược (SEA) hoặc báo cáo tác động môi trường (ĐTM) cấp vùng ven biển, dẫn tới nguy cơ xung đột sử dụng đất và biển với nông nghiệp, thủy sản, du lịch.

(v) **Nhân lực**: Chưa có kế hoạch chi tiết đào tạo nguồn nhân lực cho năng lượng tái tạo. Trong khi đó, điện gió ngoài khơi đòi hỏi kỹ năng chuyên biệt như thi công trên biển, vận hành trạm ngoài khơi và xử lý cấp ngầm.

Nhìn chung, động lực phát triển của Vĩnh Long đến từ điện gió ven bờ/ngoài khơi và điện mặt trời áp mái/khu công nghiệp. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng này, tỉnh cần mở rộng lưới theo cụm nguồn nhằm hạn chế nghẽn mạch, đồng thời khắc phục các lỗ hổng về dữ liệu, nhân lực và cơ chế thị trường (DPPA/RECs). Đây là cơ sở trực tiếp để định hình các nhóm giải pháp ở phần tiếp theo.

4. Hàm ý chính sách và giải pháp

4.1. Cơ sở đề xuất

Thực trạng cho thấy Vĩnh Long đã bước đầu xây dựng được nền tảng phát triển năng lượng tái tạo với tổng công suất 5.416 MW, trong đó 918 MW từ các nguồn sạch. Tỉnh có bờ biển dài 130 km, cùng hệ thống lưới điện và logistics đang dần hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng trong giai đoạn tới. Tuy

nhiên, để đạt mục tiêu Đại hội I đề ra – GRDP tăng trưởng bình quân 10%/năm, GRDP bình quân đầu người trên 169 triệu đồng vào năm 2030, thu ngân sách tăng 7%/năm – cần triển khai đồng bộ các giải pháp mang tính chiến lược và đột phá.

4.2. Các nhóm giải pháp trọng tâm

Trước hết, cần hoàn thiện quy hoạch và phát triển lưới điện. Ưu tiên đầu tư các tuyến truyền tải 220-500 kV để giải tỏa công suất từ các cụm điện gió ven biển và kết nối với trung tâm kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển. Đây là điều kiện nền tảng giúp hệ thống vận hành an toàn, ổn định và đồng bộ với sự phát triển nhanh của nguồn năng lượng tái tạo.

Tiếp theo là huy động nguồn lực tài chính xanh. Việc thành lập Quỹ tài chính xanh cấp tỉnh, thúc đẩy tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh sẽ tạo ra kênh vốn bền vững. Đồng thời, tỉnh cần chủ động tiếp cận các nguồn vốn quốc tế như JICA, AFD, WB, ADB để hỗ trợ đầu tư hạ tầng và dự án quy mô lớn.

Một giải pháp quan trọng khác là phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ. Cần xây dựng các chương trình đào tạo kỹ sư, kỹ thuật viên chuyên sâu về điện gió, điện mặt trời và quản trị năng lượng. Việc hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời áp dụng mô hình đào tạo kép (dual training) sẽ giúp nâng cao chất lượng nhân lực, gắn kết lý thuyết với thực hành.

Song song đó, tỉnh cần hoàn thiện cơ chế thị trường điện sạch. Việc thí điểm hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA), áp dụng rộng rãi chứng chỉ năng lượng tái tạo (RECs) và cơ chế net-metering cho điện mặt trời áp mái sẽ khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp và hộ dân, tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình chuyển đổi năng lượng.

Ngoài ra, phát triển logistics và công nghiệp hỗ trợ là hướng đi tất yếu. Tận dụng lợi thế Khu kinh tế Định An và hệ thống cảng biển, Vĩnh Long có thể xây dựng trung tâm dịch vụ hậu cần năng lượng, hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, vận hành đến xuất khẩu điện và hydro xanh.

Cuối cùng, tăng cường liên kết vùng cũng là yêu cầu quan trọng. Việc phối hợp chặt chẽ với các tỉnh DBSCL trong quy hoạch hạ tầng, điều tiết công suất và phát triển logistics sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời bảo đảm phát triển bền vững trên quy mô toàn vùng.

4.3. Điều kiện thực hiện

Để các giải pháp trên được triển khai hiệu quả, cần hội đủ một số điều kiện căn bản.

Trước hết, phải có sự cam kết chính trị mạnh mẽ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, coi năng lượng tái tạo là ngành kinh tế đột phá trong giai đoạn tới. Tiếp theo, cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa địa phương với các bộ, ngành trung ương và cộng đồng doanh nghiệp nhằm bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo và thực thi. Đồng thời, việc huy động đa dạng nguồn lực tài chính là hết sức quan trọng, bao gồm ngân sách nhà nước, vốn ODA, mô hình đối tác công – tư (PPP) cũng như nguồn vốn từ khu vực tư nhân. Cuối cùng, quá trình triển khai phải gắn với cơ chế giám sát minh bạch và sự tham gia rộng rãi của cộng đồng, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, công bằng và được xã hội đồng thuận.

Nhìn chung, các giải pháp và hàm ý chính sách được đề xuất vừa bám sát tinh thần Nghị quyết 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, vừa gắn với định hướng phát triển năng lượng tái tạo thành ngành kinh tế mũi nhọn trong Văn kiện Đại hội I Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long. Nếu được triển khai đồng bộ, với sự hỗ trợ về thể chế, nguồn lực và cơ chế phối hợp liên vùng, Vĩnh Long hoàn toàn có thể trở thành trung tâm năng lượng tái tạo bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực mới cho tăng trưởng xanh và hội nhập quốc tế.

5. Kết luận

Phát triển năng lượng tái tạo đang trở thành xu thế tất yếu trong bối cảnh biến đổi khí hậu và cam kết giảm phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Việt Nam. Vĩnh Long sở hữu không gian ven biển dài, nguồn bức xạ mặt trời ổn định và phụ phẩm nông nghiệp dồi dào, những lợi thế hiếm có để phát triển đồng bộ điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối. Trong nhiệm kỳ 2020-2025,

tỉnh đã đạt công suất thương mại 5.416 MW, trong đó 918 MW từ năng lượng tái tạo, cùng hệ thống lưới điện và logistics từng bước được nâng cấp. Đây là nền tảng quan trọng cho giai đoạn bứt phá 2025-2030.

Tuy vậy, thực trạng cũng chỉ ra những thách thức lớn: lưới điện giải tỏa công suất chưa theo kịp tốc độ phát triển nguồn, vốn đầu tư và cơ chế tài chính xanh chưa đủ mạnh, nhân lực kỹ thuật còn thiếu, và cơ chế thị trường điện sạch chưa hoàn chỉnh. Nếu không được xử lý kịp thời, các “nút thắt” này sẽ cản trở tiến trình chuyển đổi năng lượng.

Các hàm ý chính sách được đề xuất từ hoàn thiện quy hoạch và đầu tư lưới điện, huy động tài chính xanh, phát triển nhân lực, đến mở rộng cơ chế thị trường điện sạch và tăng cường liên kết vùng, đều nhằm giải quyết những hạn chế đó. Điều kiện tiên quyết là sự cam kết chính trị mạnh mẽ, cơ chế phối hợp hiệu quả và sự tham gia của toàn xã hội.

Như vậy Vĩnh Long đang đứng trước cơ hội lịch sử để khẳng định vai trò trung tâm năng lượng tái tạo bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long. Nếu tận dụng tốt thời cơ, đồng thời vượt qua các thách thức bằng giải pháp đồng bộ, tỉnh không chỉ bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển kinh tế xanh mà còn có thể trở thành hình mẫu về chuyển đổi năng lượng cho cả vùng và cả nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tư nhân trong giai đoạn mới*. Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025). *Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Hà Nội.

Bộ Công Thương. (2023). *Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)*. Hà Nội.

Người Đưa Tin. (2025, 25 tháng 4). *Sau sáp nhập, tỉnh Vĩnh Long trở thành điểm kết nối chiến lược vùng ĐBSCL và phía Nam*. Truy cập từ

<https://www.nguoiduatin.vn/sau-sap-nhap-tinh-vinh-long-tro-thanh-diem-ket-noi-chien-luoc-vung-dbscl-va-phia-nam-204250425122925891.htm>

Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long. (2025). *Báo cáo chính trị Đại hội lần thứ I Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long*. Vĩnh Long.

Viện Năng lượng - Bộ Công Thương. (2024). *Báo cáo đánh giá tiềm năng điện gió ngoài khơi khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội.

World Bank. (2023). *Vietnam Energy Outlook Report 2023*. Washington, DC.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA). (2022). *World Energy Outlook 2022*. Paris: IEA.

Tổng cục Thống kê. (2024). *Niên giám Thống kê Việt Nam 2023*. Hà Nội: NXB Thống kê.